TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 2691/2022/KDTM-ST
Ngày: 19/7/2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Lượng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 184/2021/TLST-KDTM ngày 09/12/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4266/2022/QĐXXST-KDTM ngày 28/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Công Thành L

Trụ sở: phường Mai H, thị xã Hoàng M, tỉnh Nghệ A.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Mạnh L, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: đường Nguyễn Tri P, khu phố Nhị Đ, phường Dĩ A, thành phố Dĩ A, tỉnh Bình D.

(Văn bản ủy quyền ngày 19/11/2021)

2. Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật H

Trụ sở: đường Song Hành Xa Lộ Hà N, phường An P, thành phố T, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn:

Bà Trần Huỳnh Hương G, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: phường An P, thành phố T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 18/11/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Mạnh L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có nhu cầu mua bán hàng hóa nên ngày 12/3/2020, giữa nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Công Thành L (sau đây viết tắt là Công ty Công Thành L) và bị đơn Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật H (sau đây viết tắt là Công ty E) có ký hợp đồng nguyên tắc số 12.03.2020/HĐNT. Theo nội dung của hợp đồng trên, thì Công ty Công Thành L đồng ý bán cho bị đơn Công ty E hàng hóa là các mặt hàng điện máy, máy cắt sắt, máy đầm, hàng kim khí… phục vụ công trường với số lượng, giá bán theo thỏa thuận từng thời điểm cụ thể theo từng đơn hàng.

Thực hiện theo hợp đồng nguyên tắc trên, Công ty Công Thành L đã nhiều lần bán hàng và giao hàng theo yêu cầu của Công ty E. Mỗi lần mua bán hàng hóa Công ty Công Thành L đều xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty E. Đến ngày 31/10/2021, giữa Công ty Công Thành L và Công ty E có ký biên bản đối chiếu công nợ có nội dung: Tính đến ngày 31/10/2021 Công ty E còn nợ Công ty Công Thành L số tiền mua hàng là 1.426.065.040 đồng. Tuy nhiên, sau khi ký biên bản đối chiếu công nợ cho đến nay nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ mua hàng nêu trên nhưng bị đơn không thực hiện.

Do quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, nguyên đơn Công ty Công Thành L khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty E trả số tiền mua hàng hóa còn nợ là 1.426.065.040 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn Công ty E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ

và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền còn nợ là 1.426.065.040 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng :

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn Công ty Công Thành L yêu cầu bị đơn Công ty E trả số tiền mua hàng còn nợ là 1.426.065.040 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn Công ty E có địa chỉ trụ sở chính tại đường Song Hành Xa Lộ Hà N, phường An P, thành phố T, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố H theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Bị đơn Công ty E có người đại diện theo pháp luật là bà Trần Huỳnh Hương G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Công ty E.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ mua hàng là 1.426.065.040 đồng:

Căn cứ vào Điều I của hợp đồng nguyên tắc số 12.03.2020/HĐNT ngày 12/3/2020 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn có nội dung: " …bên B đồng ý bán và bên A đồng ý mua mặt hàng điện máy, máy cắt sắt, uốn sắt, máy đầm, hàng kim khí phục vụ công trường… Số lượng hàng sẽ theo từng đơn hàng cụ thể. Giá bán là giá được hai bên thỏa thuận áp dụng tại từng thời điểm cụ thể theo từng đơn hàng. Khi có nhu cầu, bên A gửi cho bên B đơn hàng trong đó nêu rõ số lượng, quy cách, chủng loại hàng, thời gian giao nhận hàng, và người được ủy quyền nhận hàng. Đơn hàng qua mail/fax được coi là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng và có giá trị như hợp đồng chính".

Thực hiện hợp đồng nguyên tắc nêu trên thì bị đơn và nguyên đơn đã nhiều lần giao dịch mua bán hàng hóa, Công ty Công Thành L đã nhiều lần giao hàng theo yêu cầu của bị đơn. Căn cứ vào các hóa đơn giá trị gia tăng số 0000024 ngày 25/12/2020; số 0000025 ngày 28/12/2020; số 0000030 ngày 08/01/2021; số

0000031 ngày 08/01/2021; số 0000032 ngày 09/01/2021; số 0000033 ngày 10/01/2021; số 0000034 ngày 23/02/2021; số 0000035 ngày 25/02/2021; số 0000038 ngày 28/02/2021; số 0000039 ngày 01/3/2021; số 0000040 ngày 06/3/2021; số 0000041 ngày 13/3/2021; số 0000042 ngày 15/3/2021; số 0000043 ngày 20/3/2021; số 0000046 ngày 25/3/2021; số 0000047 ngày 26/4/2021; số 0000048 ngày 26/5/2021; số 0000049 ngày 26/5/2021; số 0000050 ngày 26/5/2021; số 0000051 ngày 26/5/2021 và số 0000055 ngày 25/10/2021 có nội dung người bán hàng là Công ty Công Thành L, người mua hàng là Công ty ENC. Đến ngày 31/10/2021, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký biên bản đối chiếu công nợ, theo đó bị đơn xác nhận tính đến ngày 31/10/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền mua hàng là 1.426.065.040 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty E đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến Tòa để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, Công ty E vẫn vắng mặt không rõ lý do, không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời không cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến giao dịch mua bán hàng hóa giữa hai bên, coi như bị đơn đã từ bỏ quyền được pháp luật quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ hợp đồng nguyên tắc số 12.03.2020/HĐNT ngày 12/3/2020, các hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/10/2021 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch mua bán hàng hóa và bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền mua hàng là 1.426.065.040 đồng. Việc bị đơn không thanh toán tiền mua hàng, kéo dài thời gian trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các Điều 24 và Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019), Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Công ty E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại là 54.781.951 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn Công ty Công Thành L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và

khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 24; Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 (đã được sửa đổi năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Công Thành L về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hành hóa" với bị đơn Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật H:

Buộc bị đơn Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật H phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Công Thành L số tiền 1.426.065.040 (một tỷ, bốn trăm hai mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm bốn mươi) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại là 54.781.951 (năm mươi bốn triệu, bảy trăm tám mươi mốt nghìn, chín trăm năm mươi mốt) đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Công Thành L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.390.976 (hai mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi nghìn, chín trăm bảy mươi sáu) đồng theo biên lai thu số 0024898 ngày 03/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Văn Đoàn